

NGHIÊN CỨU KHOA HỌC XÃ HỘI VÀ NHÂN VĂN TRONG BỐI CẢNH CHUYỂN ĐỔI SỐ

LÊ NGUYỄN TRƯỜNG GIANG*

Cuộc cách mạng 4.0 và chuyển đổi số đang diễn ra mạnh mẽ trong đời sống thực tiễn; Big Data, AI và công nghệ robot, hay máy móc có thể thay thế con người... đang được đề cập rộng rãi hiện nay. Hơn hết, thời kỳ này khoa học xã hội và nhân văn không vì thế bị giảm vị thế, tuy nhiên để khẳng định vai trò của khoa học xã hội và nhân văn trong bối cảnh chuyển đổi số mỗi quốc gia cần có chiến lược phù hợp.

Từ khóa: cuộc cách mạng 4.0, khoa học xã hội và nhân văn

Nhận bài ngày: 18/6/2020; đưa vào biên tập: 23/6/2020; phản biện: 15/8/2020; duyệt đăng: 20/8/2020

1. TƯƠNG LAI THUỘC VỀ KHOA HỌC XÃ HỘI VÀ NHÂN VĂN

Hiện nay, cuộc cách mạng 4.0 và chuyển đổi số đang diễn ra mạnh mẽ trong đời sống thực tiễn. Người ta đang nói đến những câu chuyện thần kỳ của Big Data, của AI và của công nghệ robot, của những phát triển của học máy..., hay máy móc có thể thay thế con người đang được đề cập một cách phổ biến. Như vậy, vì cớ gì, tương lai lại thuộc về khoa học xã hội và nhân văn trong đời sống của con người?

Khi dịch COVID-19 lây lan trên khắp toàn cầu như hiện nay, có lẽ hơn bao giờ, đây là một thời điểm thích hợp, để chúng ta thấy được sự quá tập trung vào khoa học kỹ thuật - công nghệ, xem nhẹ những vấn đề xã hội

và nhân văn sẽ làm tổn thương đến “sự cân bằng sinh thái xã hội” như thế nào. Đó chính là những dấu hiệu rõ ràng cho chúng ta thấy vai trò trọng yếu của khoa học xã hội và nhân văn trong trong việc cân bằng hệ sinh thái xã hội. Có lẽ sau trận bệnh dịch này xã hội sẽ cần một trật tự mới được thiết lập trên nền tảng của năng lực quản trị khủng hoảng xã hội toàn diện, một trật tự dựa trên việc thiết lập lại mối quan hệ giữa con người với con người, giữa con người với tự nhiên, con người với công nghệ.

Thực tế cuộc cách mạng 4.0, nói chính xác là cuộc cách mạng chuyển đổi số (digital transformation), không phải là một cuộc cách mạng về công nghệ - khoa học - kỹ thuật như nhiều người thường lầm tưởng, bởi cái áo khoác ngôn từ “số” (digital) của nó, mà đó là được thể hiện nhiều nhất thông qua hình ảnh sự phát triển về

* CSCI Indochina Group.

công nghệ, những ứng dụng của công nghệ hỗ trợ cho con người trong đời sống. Về bản chất, cuộc cách mạng 4.0 – hay chuyển đổi số, chính là cuộc cách mạng về việc thay đổi hình thái tư duy tổ chức của đời sống xã hội, mà công nghệ là trung tâm, đóng vai trò là phương tiện và phương thức cho sự chuyển đổi (transformation) cách mà con người kết nối, giao tiếp và tổ chức xã hội của mình.

Như vậy, điều kiện cần để phát triển xã hội trong tương lai theo định hướng cách mạng công nghệ 4.0 là việc áp dụng công nghệ - khoa học - kỹ thuật vào cuộc sống với ba đặc trưng cơ bản:

- Số hóa triệt để để tự động hóa, điều khiển tự động và thu thập, phân tích, xử lý dữ liệu hiệu quả.
- Kết nối hệ thống các cấu phần của tổ chức thành một mạng lưới phức hợp hoàn chỉnh.
- Lập trình hóa các phương thức, giao thức, cách thức mà con người hoạt động hàng ngày.

Nhưng điều kiện đủ cho sự phát triển của xã hội trong tương lai theo định hướng cách mạng công nghệ 4.0 là sự phát triển của khoa học xã hội nhân văn với ba trọng tâm chính:

- + Sự chuyển đổi về cách thức và tạo lập năng lực tư duy của con người theo hướng liên ngành - đa ngành - xuyên ngành trong một bối cảnh: không dự báo được, không chắc chắn, hỗn loạn và hỗn độn.
- + Tổ chức học - khoa học liên ngành, đa

ngành, xuyên ngành về các cách thức tổ chức đời sống xã hội con người ở các cấp độ dựa trên nền tảng phức hợp.

+ Đại đồng học, khoa học về cách thức con người gắn kết với nhau trong một bối cảnh toàn cầu, hài hòa giữa con người với tự nhiên, con người với con người trong sự xung đột và khác biệt về văn hóa, tín ngưỡng và chủng tộc, con người với chính mình trong sự tỉnh thức về ý nghĩa vai trò của mình đối với chính mình, với gia đình, với xã hội, với nhân loại.

Vài thập kỷ qua, Việt Nam chưa thực sự phát huy đúng vai trò chủ đạo định hướng của khoa học xã hội và nhân văn cho sự phát triển con người, còn hình thức hóa các hoạt động nghiên cứu khoa học, nên đạt được ít kết quả thực sự có giá trị. Các nền tảng tri thức khoa học xã hội nhân văn chưa được hệ thống lại để đủ năng lực làm “nền móng” cho sự phát triển xã hội, trong ứng dụng giải quyết các vấn đề xã hội đặt ra. Do vậy, việc chú trọng nền khoa học xã hội và nhân văn hiện nay có vai trò trọng yếu cho sự phát triển đất nước và đó là nhiệm vụ cấp bách.

2. NGHIÊN CỨU KHOA HỌC XÃ HỘI VÀ NHÂN VĂN CẦN BẮT ĐẦU TỪ ĐÂU?

Có thể nói, hoạt động khoa học hiện nay cũng trở thành một nghề chạy theo những chuẩn nghề để cung cấp các sản phẩm - dịch vụ khoa học, tuy nhiên trong đó không ít “sản phẩm - dịch vụ” này còn xa rời với thực tiễn. Có những nghiên cứu khoa học không trực tiếp hoặc trực tiếp đưa ra giải

pháp, có những nghiên cứu mang tính định hướng... nhưng cần giải được những bài toán thực tiễn, nếu không thì đó chỉ là “những tháp ngà”.

Cụ thể, trong lĩnh vực kinh tế - chính trị, lĩnh vực trọng tâm nghiên cứu của chúng tôi đang rất cần những nghiên cứu có giá trị để đáp ứng các yêu cầu đặt ra như:

+ Ở cấp độ nhận thức luận (epistemology): Chỉ ra được bản chất của sự vận động và phát triển kinh tế của Việt Nam. Ở cấp độ này, đa phần các nhà kinh tế học ở Việt Nam chưa đạt đến.

+ Ở cấp độ phương pháp luận (methodology): Đưa ra được những phương pháp phù hợp với những đặc thù của Việt Nam, dựa trên nền tảng nhận thức luận về sự vận động và phát triển của kinh tế - chính trị - xã hội. Ở cấp độ này đa phần các nhà kinh tế học ở Việt Nam cũng rất hạn chế, chủ yếu họ học một phương pháp của nước ngoài về và “ép thực tiễn vào cái khuôn” đó, tuy nhiên con số này cũng không nhiều.

+ Ở cấp độ lý thuyết (theory): Áp dụng một lý thuyết nào đó để luận giải sự phát triển của kinh tế Việt Nam. Ở cấp độ này thì khá nhiều, đặc biệt là các nhà kinh tế học được đào tạo và trưởng thành ở các nước phương Tây. Nhưng vấn nạn lớn đối với họ là họ chủ yếu chỉ biết có “lý thuyết” đó, và việc theo đuổi các bằng cấp cũng như đăng được những bài báo ISI/Scopus thường khiến họ phải tuân thủ nghiêm ngặt các phương pháp của một lý thuyết nào đó. Điều đó làm cho họ xa

rời thực tiễn, các nghiên cứu nặng về những “hình thức khoa học” mà thiếu tính thực tiễn. Thêm vào đó sự “ảo tưởng tri thức” về tính chân lý của các lý thuyết này cũng khiến nhiều người tự đánh giá cao bản thân và khi những đề xuất của họ không được áp dụng/không áp dụng được thì lại đổ lỗi cho “thực tại xã hội” mà không hiểu rõ rằng việc làm sao để nó được áp dụng/áp dụng được mới là vấn đề quan trọng.

+ Ở cấp độ mô hình (model): Cấp độ này thì càng đáng nói, nhất là khi kinh tế học đã bị toán hóa và mô hình hóa nặng nề. Mọi thứ cứ được đặt thành mô hình và tính toán, nhưng trong khi thực tiễn các đầu vào (input) thì không thể khẳng định được tính chính xác và hợp lý của nó (trong việc thu thập và các phương pháp sử dụng để thu thập), và đầu ra (output) thì càng chỉ là những thứ “đồ chơi” trong một bối cảnh: không dự báo được, không chắc chắn, hỗn loạn và hỗn độn, trên cơ sở kết quả nghiên cứu không chính xác về thực tiễn.

Theo chúng tôi, bối cảnh Việt Nam hiện nay là cơ hội rất lớn cho các nhà khoa học để việc nghiên cứu khoa học một cách đúng đắn và ý nghĩa thì việc tìm kiếm một mục tiêu cho nghiên cứu khoa học có ý nghĩa quan trọng và cũng là điểm bắt đầu của hành trình nghiên cứu khoa học của các nhà khoa học xã hội và nhân văn Việt Nam.

3. NHỮNG THÁCH THỨC CỤ THỂ MÀ CUỘC CÁCH MẠNG 4.0 VỚI TRỌNG TÂM LÀ CHUYỂN ĐỔI SỐ

ĐẶT RA ĐỐI VỚI NGHIÊN CỨU KHOA HỌC XÃ HỘI VÀ NHÂN VĂN

Trước tiên, phải nói đến sự thay đổi triệt để về tính bền vững của mọi kết quả nghiên cứu khoa học. Với sự phát triển của công nghệ dữ liệu, đặc biệt là dữ liệu lớn (big data), tính phổ quát của các kết quả nghiên cứu khoa học ngày càng giảm dần, tính đặc thù tăng lên. Phương pháp diễn dịch, vốn phổ biến trong nghiên cứu khoa học, đặc biệt với việc sử dụng các mô hình toán trong nghiên cứu để tăng tính khoa học của các kết quả nghiên cứu, ngày càng trở nên thiếu tính hợp lý. Phương pháp quy nạp đang ngày càng khẳng định được vị thế, trong việc đi theo xu hướng và mang tính dự báo khả thi hơn. Các dữ liệu và số liệu trong quá khứ ngày càng không đáp ứng được cho việc tạo dựng nên các nền tảng dự kiến cho những diễn biến trong tương lai. Đây cũng là một thách thức rất lớn cho việc nghiên cứu khoa học, khi phần lớn các nhà nghiên cứu vốn dựa vào tính khoa học của các mô hình và đặc biệt việc ứng dụng toán vào các nghiên cứu khoa học để “tăng tính khoa học”. Trong khoa học tự nhiên, kỹ thuật và công nghệ, việc phát triển của các công nghệ tính toán và dữ liệu có tính chất tỷ lệ thuận với kết quả chính xác hơn và hiệu quả nghiên cứu cao hơn, nhưng trong khoa học xã hội và nhân văn điều đó lại ngược lại, công nghệ dữ liệu tăng tính chất tỷ lệ nghịch với các kết quả nghiên cứu khoa học và làm mất đi tính hiệu quả của các cách

thức nghiên cứu hiện tại dựa trên mô hình và các phương pháp toán diễn dịch/hồi quy/xác suất.

Tại sao lại như vậy? Đó là bởi bản chất của một nửa bán cầu não còn lại, nhờ sự phát triển của khoa học dữ liệu ngày càng được khám phá ra tốt hơn, bản thân con người tự nhìn được chính “nửa còn lại” của mình ngày một rõ ràng và từ đó, cũng có những động thái tùy biến và phi lý trí hơn. Trước đây, tính duy lý của các nền tảng nghiên cứu khoa học được đặt cơ sở trên cái chúng ta vẫn nói là “kết quả dựa trên dữ liệu, cứ liệu và khả thể đo lường” bởi tư duy của não trái đã tạo nên những “nếp nhăn” cho việc nghiên cứu khoa học. Chúng ta lao vào việc tìm kiếm, khảo sát, đo lường và phân tích các dữ liệu, số liệu để đưa ra kết luận. Ngày nay, tính phi lý của não phải đã được khám phá nhiều hơn và rõ hơn, con người bắt đầu sống bằng “trực giác” và sự phi lý của mình nhiều hơn, và các kỹ thuật công nghệ trong việc theo dõi hành vi (bởi Big Data và AI) đã thúc đẩy quá trình điều chỉnh linh hoạt các hành vi của con người một cách nhanh chóng hơn bằng các phản ứng tương tác theo thời gian thực. Một trong những hiện tượng mà chúng ta có thể quan sát được một cách trực quan nhất về điều này, đó là sự chuyển hướng liên tục của các dòng xu hướng dư luận đối với các vấn đề xã hội thông qua mạng xã hội. Mạng xã hội đã tạo ra một ma trận đa chiều với sự tham gia không giới hạn của các tác nhân

(agents) chủ động vào một hệ các mạng lưới (networks) đa chiều các dòng dữ liệu và hình thành nên các luồng thông tin tương tác liên tục. Sự lên xuống liên tục của các làn sóng chủ điểm đã tạo ra ngày càng nhiều các điểm mù (spots) trong nhận thức, và cắt nhỏ sự tư duy thành các tư duy phiến đoạn (clip thinking). Việc ra quyết định của con người do vậy ngày càng được dựa trên tính rời rạc/phân mảnh (fragmental) của dữ liệu và phi lý trí do tác động của các điểm mù trong sức ép của đám đông (herd) và chịu sự ràng buộc của mạng lưới mà chủ thể đó là một cấu phần (nut) của mạng lưới đó.

Do vậy, việc nghiên cứu khoa học xã hội và nhân văn cần phải có một sự chuyển biến mạnh mẽ theo hướng đi sâu vào việc kiến tạo nên các mô hình, thay vì áp dụng mô hình; xây dựng nên các lý thuyết để góp phần định hướng phát triển xã hội bằng việc tạo mới hay chuyển hóa liên tục các nền tảng lý thuyết hiện tại cho phù hợp với chức năng, cấu trúc, tiến trình và bối cảnh mới đang thay đổi liên tục.

Thứ nữa, đó là sự quá tải (overload) về dữ liệu và thông tin, đang khiến cho việc tìm kiếm “cái mới” trong hàng tỷ “cái mới” xuất hiện mỗi ngày càng lúc càng trở nên bất khả. Khối lượng dữ liệu - thông tin - tri thức hình thành mới nên mỗi ngày nhiều hơn bất kỳ sự tưởng tượng nào có thể của mỗi người. Chúng ta không thể đọc kịp, chứ chưa nói đến đọc hết những tri thức mới phát sinh mỗi ngày, ngay

trong lĩnh vực hẹp mà mình tự đặt định cho chính mình, chứ chưa nói đến việc những thách thức thực tiễn ngày nay, đòi hỏi nó phải đặt trong mối liên hệ liên ngành, đa ngành, xuyên ngành. Thách thức này còn được gia tăng mạnh mẽ hơn nữa bởi sự phát triển của công nghệ AI và đặc biệt là năng lực học sâu (deep learning) của học máy (machine learning). Những khái niệm mới mở ra đang cho chúng ta nhìn thấy một chân trời rất khác và mọi trật tự cũ đang bị thay đổi. Chúng ta thử tưởng tượng xem nếu tất cả trí não của hàng tỷ con người trên toàn cầu này được nối kết với nhau thành một tổng thể, điều gì sẽ xảy ra? Kevin Kelly đã miêu tả cho chúng ta một bức tranh: “Một trăm năm trước H.G. Wells đã tưởng tượng được điều lớn lao này là bộ não của thế giới. Teilhard de Chardin đặt tên cho nó là trí tuệ quyển (noosphere), một tinh cầu tư duy. Một số người gọi nó là trí tuệ toàn cầu, những người khác so sánh nó với một siêu thực thể toàn cầu vì nó bao gồm hàng tỷ tế bào thần kinh silicon. Để cho tiện, tôi gọi lớp trí tuệ mức độ hành tinh này là holos (tất cả). Đối với tôi, holos bao gồm trí tuệ tập thể của tất cả mọi người kết hợp với hành vi tập thể của tất cả các máy móc, cộng với sự thông minh của tự nhiên, và bất cứ hành vi nào xuất hiện từ sự kết hợp này.

Toàn bộ những điều này gộp lại thành holos. Quy mô của những gì ‘chúng ta đang trở thành’ quá khó để hấp thụ. Đó là điều lớn nhất mà chúng ta từng

thực hiện. Chẳng hạn, khi nói đến phần cứng, ngày nay có đến 4 tỷ điện thoại di động và 2 tỷ máy tính được liên kết với nhau thành một vỏ não liền mạch trên toàn cầu. Thêm vào đó còn có hàng tỷ chip ngoại vi và các thiết bị liên kết từ máy ảnh đến xe hơi và vệ tinh. Đến năm 2015, có tổng cộng 15 tỷ thiết bị đã được nối thành một mạch lớn. Mỗi thiết bị này chứa từ 1 đến 4 tỷ điện trở, bởi vậy tổng cộng, holos hoạt động với một triệu lữ thừa điện trở (con số có 10 tới 21 số 0). Những điện trở này có thể được coi là các dây thần kinh trong một bộ não khổng lồ. Bộ não con người có gần 86 tỷ dây thần kinh, tức là 1.000 tỷ lần, ít hơn so với holos. Về mặt quy mô, holos đã vượt qua bộ não một cách đáng kể trong sự phức tạp. Và bộ não của chúng ta không tăng gấp đôi kích cỡ qua mỗi vài năm, nhưng não bộ của holos thì có thể” (Kelly, 2018).

Do vậy, việc nghiên cứu khoa học đang đứng trước một thách thức rất lớn của thời đại, như K. Marx nhận xét: “Các nhà khoa học cũng như các nhà triết học chỉ tìm cách giải thích thế giới, nhưng vấn đề là phải cải biến thế giới”, đó là chúng ta cần hiểu “khoa học” giờ đây là “giải thích” hay “cải biến” thế giới? Tại sao như vậy, vì như Jean-Pierre Malle (2013), khi nói về thách thức của thời đại dữ liệu lớn: “Dữ liệu lớn đánh dấu ba điểm gãy trong sự tiến hóa của các hệ thống thông tin: sự bùng nổ của các dữ liệu sẵn có, tính đa dạng ngày càng tăng và sự đổi mới thường xuyên của dữ liệu. Việc

xử lý dữ liệu lớn đòi hỏi nhiều hơn là sức mạnh tính toán. Nó đòi hỏi phải cắt đứt với suy luận của Descartes để tìm lại mặt gọi là phi khoa học của tư duy con người: suy luận quy nạp”. Điều này sẽ đưa chúng ta đến một cuộc cách mạng âm thầm trong việc chúng ta bắt đầu một tiến trình khoa học như thế nào, từ câu hỏi “Tại sao” thành “Làm thế nào”.

Cuối cùng, ngày nay, chúng ta đã phân nhỏ các môn/ngành nghiên cứu ra quá sâu, quá chi tiết, quá nhiều, khiến số chuyên môn/ngành hẹp trở nên quá nhiều, vượt quá mọi khả năng tri nhận của bất cứ cá nhân nào về việc biết đến những lĩnh vực đó, chưa nói đến hiểu biết về nó, tạo ra sự bất khả tri về mặt tri thức. Đồng thời, việc phân nhỏ các lĩnh vực, cũng khiến các nhà khoa học ngày càng bị sa đà vào các chi tiết, thu hẹp và đào sâu vào các khe hẹp tri thức, mà tách rời và không thấy được bức tranh tổng thể của tự nhiên - xã hội. Khoa học ngày càng tiến xa trên những đỉnh chóp của những tháp ngà hàn lâm và xa rời thực tiễn. Nhưng, nếu chúng ta tiếp cận với những nghiên cứu về tư duy phức hợp của Edgar Morin (*Bộ Tư tưởng, Tư duy phức hợp...*), với những nghiên cứu của Fritjof Capra (*Đạo của vật lý, Tám lược sự sống, Những mối quan hệ tiềm ẩn...*) hay của Albert-László Barabási (*Thế giới mạng lưới*)... chúng ta sẽ thấy, rào cản lớn nhất để chúng ta có thể thực sự hiểu được thế giới này lại chính là những hệ thống lý thuyết, các mô hình, các phương trình

toán học... Khoa học phức hợp đang là xu thế của tương lai, theo đó, việc nghiên cứu về bất kỳ một đối tượng nghiên cứu nào cũng không thể tách rời với bối cảnh, không gian, thời gian và chính bản thân người nghiên cứu, bởi nếu không thì việc nghiên cứu khoa học sẽ mang tính chất cục bộ (giả định tiền đề), vụn vặt (dữ liệu thu thập), phiến diện (thời điểm), không hiểu được chính đối tượng nghiên cứu như một đối tác tương tác (đặt người nghiên cứu trong tương tác với chủ thể nghiên cứu). Tư tưởng của người nghiên cứu có vai trò và ý nghĩa quan trọng đối với kết quả nghiên cứu, và tiến trình nghiên cứu với việc đổi vai trò từ một quan sát viên (observer) thành một tham dự viên (participator) đóng một vai trò quan trọng trong việc chuyển đổi chất lượng nghiên cứu. Vũ trụ này là mạng lưới của các thành phần riêng lẻ trong sự đan kết với nhau, tương tác với nhau (interaction), cộng thông nhanh (interpenetration), không thể tách rời khỏi cái toàn thể (holistic).

Do vậy, việc nghiên cứu truyền thống dựa vào các lý thuyết, các tư tưởng kinh điển, và việc sử dụng các trích dẫn như một cấu thành quan trọng tạo nên tính vững chắc về nền tảng lý luận, tính khoa học và làm cơ sở lập luận chính cho nghiên cứu khoa học đã không còn hợp lý trong bối cảnh mới. “Một bậc minh triết thì vô ý”, mà François Jullien (2003) chia sẻ, đã nói lên rất rõ ý tưởng này. Người nghiên cứu khoa học, muốn tạo ra được

những kết quả nghiên cứu chất lượng, phải bắt đầu từ mục tiêu thực tiễn được xem là mục tiêu cuối cùng. Việc sử dụng các lý thuyết, các trích dẫn là cơ sở cho việc diễn dịch mang tính quy nạp chứ không phải là sự quy nạp mang tính diễn dịch cho nghiên cứu.

4. MỘT ĐỀ XUẤT VỀ TIẾN TRÌNH NGHIÊN CỨU KHOA HỌC XÃ HỘI VÀ NHÂN VĂN TRONG BỐI CẢNH CÁCH MẠNG CÔNG NGHIỆP 4.0 – CHUYỂN ĐỔI SỐ

Trên cơ sở những phân tích trên, tôi xin phép được đề xuất một tiến trình nghiên cứu khoa học trong lĩnh vực khoa học xã hội và nhân văn theo phương thức CSCI (CSCI Way) như một giải pháp thích ứng bổ sung cho những yêu cầu thực tiễn mang tính thời đại trên.

Cách thức trình bày được thiết kế dưới dạng các câu hỏi, mà người nghiên cứu phải trả lời. Tiến trình được chia thành các bước cụ thể như sau:

- *Bước 1: Định hướng đề tài (O)*

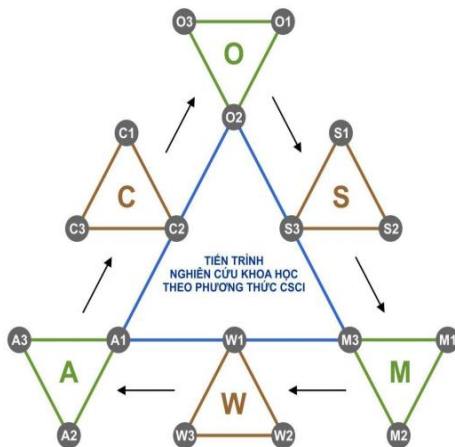
+ Mục tiêu cuối cùng của việc thực hiện đề tài này là gì? (O1)

+ Tương quan vị thế của người nghiên cứu với các bên liên quan đến đề tài? (O2)

+ Những tiêu chí đặt ra mà đề tài cần phải tuân thủ để trong tương quan vị thế đó, đạt được mục tiêu cuối cùng của việc thực hiện đề tài là gì? (O3)

- *Bước 2: Giải pháp thực hiện (S)*

+ Dựa trên những tiền đề trên, chọn phương pháp/lý thuyết/mô hình phù hợp để giải quyết vấn đề. (S1)



+ Những bên liên quan cần khai thác dữ liệu và các điều kiện về dữ liệu cần khai thác. (S2)

+ Giải pháp cho việc lựa chọn phương pháp/lý thuyết/mô hình và tính khả thể dữ liệu để đạt được mục tiêu. (S3)

- *Bước 3: Hình thành cơ sở phương pháp luận cho đề tài (M)*

+ Cách thức vận dụng phương pháp/lý thuyết/mô hình. (M1)

+ Tương quan giữa phương pháp/lý thuyết/mô hình ta chọn với các lý thuyết/phương pháp/mô hình mà các bên liên quan thực tiễn đang áp dụng, đề xuất các vấn đề đặt ra cần giải quyết. (M2)

+ Hòa hòa hóa các vấn đề và đề xuất phương án giải quyết vấn đề đặt ra. (M3)

- *Bước 4: Quy nạp thành phương pháp luận (W)*

+ Xác lập các điều kiện và phạm vi khả thể của nghiên cứu. (W1)

+ Tính tương thích với các đối tượng liên quan. (W2)

+ Tổng kết thành phương pháp chung. (W3)

- *Bước 5: Định hướng thực tiễn cho các đối tượng tiếp cận (A)*

+ Xác lập vùng những đối tượng có thể tiếp cận áp dụng đề tài. (A1)

+ Phân tích những đặc trưng của từng nhóm đối tượng này trong tương quan với đề tài. (A2)

+ Định hướng giải pháp tiếp cận. (A3)

- *Bước 6: Kết luận (C)*

+ Mô tả mục tiêu cuối cùng đã đạt được như thế nào? (C1)

+ Mô tả vùng ảnh hưởng của đề tài đến các tập đối tượng liên quan. (C2)

+ Mô tả các giải pháp và tính mở của đề tài trong việc phát triển và áp dụng đề tài. (C3)

Đây là một tiến trình nghiên cứu khoa học xã hội và nhân văn mang tính đòi hỏi yêu cầu đáp ứng thực tiễn cao đối với nhà nghiên cứu, so với nhiều quan niệm phổ biến hiện nay về nghiên cứu khoa học, trong đó, nhà nghiên cứu chủ yếu dừng lại ở phân đoạn “nghĩ” mà thường không chú trọng đến phân đoạn “dùng”. Nhưng trong thực tiễn, khi triển khai đến phân đoạn “dùng” và các cố gắng triển khai mạnh ở giai đoạn này, người nghiên cứu khoa học xã hội và nhân văn sẽ có được những sự phản biện hữu ích và đó cũng chính là quá trình hoàn thiện đề tài nghiên cứu. □

TÀI LIỆU TRÍCH DẪN

1. Julien, Francois. 2003. *Minh triết phương Đông & triết học phương Tây*. Đà Nẵng: Nxb. Đà Nẵng.
2. Kelly, Kevin (Khánh Linh dịch). 2018. *12 xu hướng làm thay đổi thế giới công nghệ*. Hà Nội: Nxb. Đại học Kinh tế Quốc dân.
3. Malle, Jean Pierre. 2013. “La tripe rupture des Big Data”. *Paris Tech Review*, 15/02/2013.
4. Matthes, Joachim. 1994. “Một số vấn đề lý luận và phương pháp nghiên cứu con người và xã hội” (tài liệu nội bộ Chương trình Khoa học công nghệ cấp Nhà nước KX-07). Hà Nội.